

Số: /2026/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bao gồm:

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo.

2. Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Tiêu chí, định mức thuê khoán, phương thức thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính sách, soạn thảo, thẩm định, trình và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng, ban hành thông tư, thông tư liên tịch do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Thông tư, thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 thông tư, thông tư liên tịch trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng, ban hành 01 thông tư, thông tư liên tịch tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Thông tư, thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 thông tư, thông tư liên tịch thì áp dụng tổng mức chi bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng, ban hành 01 thông tư, thông tư liên tịch tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

4. Thông tư, thông tư liên tịch bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ thông tư, thông tư liên tịch thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng, ban hành 01 thông tư, thông tư liên tịch tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

5. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức chi trong xây dựng chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không phải thông tư, thông tư liên tịch do Bộ

Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo thực hiện theo định mức khoán chi, khung định mức khoán chi quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và theo định mức quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể đối với từng nhiệm vụ, hoạt động đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh; không vượt quá tổng mức chi cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mức cao nhất của khung định mức chi theo từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn trong công tác xây dựng pháp luật và một số nhiệm vụ, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật do người đứng đầu đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định.

2. Người đứng đầu đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chủ động quyết định việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

3. Định mức thuê khoán, phương thức thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Điều 2 và Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản có liên quan.

2. Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Trong đó, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Bộ

Nông nghiệp và Môi trường chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế rà soát, tổng hợp danh mục văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính đề tổng hợp, phân bổ dự toán ngân sách kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch dự toán ngân sách; tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền dự toán, phương án phân bổ, giao đầy đủ, kịp thời dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Văn phòng Bộ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán theo quy định đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giao cho Văn phòng Bộ quản lý.

4. Đơn vị được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật gửi Vụ Pháp chế tổng hợp vào chương trình, kế hoạch, danh mục nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành;

b) Thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật căn cứ vào chương trình, kế hoạch, danh mục nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc nhiệm vụ đột xuất đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt; chịu trách nhiệm bảo đảm không đề xuất chi ngân sách nhà nước trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trùng lặp với nhiệm vụ, hoạt động khác đã được cấp có thẩm quyền giao;

c) Thủ trưởng đơn vị quyết định các vấn đề quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này. Mức kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư này do Thủ trưởng đơn vị quyết định trên cơ sở tự xác định mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động;

d) Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách được giao, bảo đảm hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện việc chi trả đầy đủ, công khai, minh bạch, đúng quy định cho đơn vị, tổ chức, cá nhân quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày... tháng ... năm 2026.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực được quản lý, lập dự toán, thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản, tên, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị được dẫn chiếu, đề cập trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ,
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ, Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, PC(70).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Văn Hưng

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LÀ THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày ...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

| STT | Nhiệm vụ, hoạt động | Sản phẩm | Định mức khoán chi | Ghi chú |
|----------|------------------------------------|---------------------------|---|---|
| A | Xây dựng, ban hành Thông tư | | Tối đa 350 triệu đồng (100% định mức quy định tại Mục III.8 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15) | |
| 1 | Soạn thảo Thông tư ¹ | Thông tư được ký ban hành | 72% | Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo thực hiện việc thanh quyết toán ² |
| 2 | Phê duyệt, ký ban hành Thông tư | | 5% | |

¹ Trường hợp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế-kỹ thuật đã được phân bổ kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hoặc nguồn sự nghiệp kinh tế hoặc nguồn khác theo quy định thì tổng mức kinh phí phân bổ xây dựng Thông tư không bao gồm kinh phí chi cho hoạt động này.

² Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng Thông tư quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

| | | | | |
|-----|--|---|---------------------------|---|
| 2.1 | Bộ trưởng | Phiếu trình ký ban hành thông tư được phê duyệt | 2% | Vụ Pháp chế thực hiện việc thanh quyết toán |
| 2.2 | Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp xây dựng Thông tư | | 3% | |
| 3 | Lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền | | 3.75% | |
| 3.1 | Rà soát hồ sơ trình Ban Thường vụ Đảng uỷ hồ sơ dự thảo Thông tư (Văn phòng Đảng uỷ) | Biên bản, nghị quyết hoặc kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ | 0.75% | Văn phòng Đảng uỷ thực hiện việc thanh quyết toán |
| 3.2 | Các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ khác phê duyệt hồ sơ dự thảo thông tư | Phiếu lấy ý kiến | 3%/tổng số các thành viên | |
| 4 | Thẩm định Thông tư ³ | Văn bản thẩm định | 18% | Vụ Pháp chế hoặc đơn vị được giao thẩm định Thông tư thực hiện việc thanh quyết toán ⁴ |
| 5 | Chi cho nhiệm vụ, hoạt động khác phục vụ xây dựng Thông tư | Thông tư được ký ban hành | 1.25% | |

³ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động tổ chức họp thẩm định, hội đồng thẩm định (nếu có), thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia (nếu có). Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thẩm định Thông tư quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II.2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, trong đó, định mức chi ý kiến thẩm định tại cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định (nếu có) là 500.000 đồng/ý kiến bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

⁴ Trường hợp có từ 02 đơn vị được giao chủ trì thẩm định văn bản trở lên, định mức chi cho văn bản thẩm định được chia đều cho các đơn vị sau khi trừ đi kinh phí tổ chức họp thẩm định, hội đồng thẩm định (nếu có), thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia (nếu có).

| | | | | |
|----------|--|---|---|---|
| 5.1 | Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ⁵ ; rà soát thể thức trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành; phát hành Thông tư. | | 0.5% | Văn phòng Bộ thực hiện việc thanh quyết toán. |
| 5.2 | Chi cho công tác tổng hợp dự toán, giao dự toán kinh phí xây dựng thông tư, tổng hợp quyết toán. | | 0.75% | Vụ Kế hoạch-Tài chính thực hiện việc thanh quyết toán |
| B | Xây dựng Thông tư liên tịch do Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao chủ trì soạn thảo | | | |
| I | Định mức kinh phí giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường | | Tối đa 245 triệu đồng (70% định mức theo quy định tại Mục III.9 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15) | |
| 1 | Soạn thảo Thông tư liên tịch | Thông tư liên tịch được ký ban hành | 72% | Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo thực hiện việc thanh quyết toán ⁶ |
| 2 | Phê duyệt, ký ban hành Thông tư liên tịch | | 5% | |
| 2.1 | Bộ trưởng | Phiếu trình ký ban hành thông tư liên tịch được phê duyệt | 2% | Vụ Pháp chế thực hiện việc thanh quyết toán |
| 2.2 | Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp xây dựng Thông tư liên tịch | | 3% | |
| 3 | Lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền | | 3.75% | |

⁵ Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ được giao chủ trì xây dựng.

⁶ Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng Thông tư liên tịch quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

| | | | | |
|-----|---|---|----------------------------|---|
| 3.1 | Rà soát hồ sơ trình Ban Thường vụ Đảng uỷ hồ sơ dự thảo Thông tư liên tịch (Văn phòng Đảng uỷ) | Biên bản, nghị quyết hoặc kết luận của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ | 0.75% | Văn phòng Đảng uỷ thực hiện việc thanh quyết toán |
| 3.2 | Các thành viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ khác phê duyệt hồ sơ dự thảo thông tư liên tịch | Phiếu lấy ý kiến | 3%/ tổng số các thành viên | |
| 4 | Thẩm định Thông tư liên tịch ⁷ | văn bản thẩm định | 18% | Vụ Pháp chế hoặc đơn vị được giao thẩm định Thông tư thực hiện việc thanh quyết toán ⁸ |
| 5 | Chi cho nhiệm vụ, hoạt động khác phục vụ xây dựng Thông tư liên tịch | Thông tư liên tịch được ký ban hành | 1.25% | |
| 5.1 | Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ⁹ ; rà soát thể thức trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành; phát hành Thông tư liên tịch | | 0.5% | Văn phòng Bộ thực hiện việc thanh quyết toán |
| 5.2 | Chi cho công tác tổng hợp dự toán, giao dự toán kinh phí xây dựng thông tư, tổng hợp quyết toán | | 0.75% | Vụ Kế hoạch-Tài chính thực hiện việc thanh quyết toán |

⁷ Đơn vị chủ trì thẩm định chủ động sử dụng kinh phí thẩm định cho các hoạt động tổ chức họp thẩm định, hội đồng thẩm định (nếu có), thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia (nếu có). Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thẩm định Thông tư quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II.2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, trong đó, định mức chi ý kiến thẩm định tại cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định (nếu có) là 500.000 đồng/ý kiến bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

⁸ Trường hợp có từ 02 đơn vị được giao chủ trì thẩm định văn bản trở lên, định mức chi cho văn bản thẩm định được chia đều cho các đơn vị sau khi trừ đi kinh phí tổ chức họp thẩm định, hội đồng thẩm định (nếu có), thuê tổ chức tư vấn, chuyên gia (nếu có).

⁹ Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ được giao chủ trì xây dựng.

| | | | | |
|-----------|--|-------------------------------------|---|--|
| II | Định mức kinh phí giao cho đơn vị phối hợp xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch¹⁰ | Thông tư liên tịch được ký ban hành | Tối đa 105 (30% định mức quy định tại Mục III.9 Phụ lục II Nghị quyết số 197/2025/QH15) | |
|-----------|--|-------------------------------------|---|--|

¹⁰ Trường hợp 02 cơ quan liên tịch trở lên thì định mức khoán chi ở mục này được chia đều cho các cơ quan đó.

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÔNG PHẢI LÀ THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CHỦ TRÌ SOẠN THẢO¹¹

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày ...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

| STT | Nhiệm vụ, hoạt động | Sản phẩm | Định mức khoản chi | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|--|--|
| A | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật không phải xây dựng chính sách | | Tối đa 100% định mức quy định tại Mục B.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP | |
| I | Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật ¹² | Văn bản được ký ban hành | 85% | Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện việc thanh quyết toán ¹³ |
| II | Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật | Văn bản được ký ban hành | 15% | |

¹¹ Đối với các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP thì định mức khoản chi cho các nhiệm vụ, hoạt động tại phụ lục này áp dụng tỷ lệ như tỷ lệ quy định tương ứng tại các khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

¹² Kinh phí này đã bao gồm kinh phí chi trả cho hoạt động lấy ý kiến Thành viên Chính phủ theo quy định tại footnote số 10 và Mục C.II.1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

¹³ Định mức khoản chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoản chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.II Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

| | | | | |
|-----|--|---|----------------------------|--|
| 1 | Phê duyệt, ký trình cấp có thẩm quyền xem xét ký ban hành | | 4% | |
| 1.1 | Bộ trưởng | Phiếu trình được ký duyệt | 2% | Vụ Pháp chế thực hiện việc thanh quyết toán |
| 1.2 | Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp xây dựng văn bản | | 2% | |
| 2 | Rà soát hồ sơ và có ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | Ý kiến góp ý | 6.4% | |
| 3 | Lấy ý kiến của cơ quan Đảng | | 3.75% | |
| 3.1 | Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Văn phòng Đảng ủy) | Biên bản, nghị quyết hoặc kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ | 0.75% | Văn phòng Đảng ủy Bộ thực hiện việc thanh quyết toán |
| 3.2 | Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phê duyệt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | Phiếu lấy ý kiến | 3%/ tổng số các thành viên | |
| 4 | Chỉ cho công tác tổng hợp dự toán, giao dự toán kinh phí xây dựng thông tư, tổng hợp quyết toán | | 0.75% | Vụ Kế hoạch-Tài chính hiện việc thanh quyết toán |
| 5 | Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ¹⁴ ; rà soát thể thức trình Lãnh đạo Bộ trước khi ký trình cấp có thẩm quyền. | | 0.1% | Văn phòng Bộ thực hiện việc thanh quyết toán |

¹⁴ Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ được giao chủ trì xây dựng.

| | | | | |
|----------|---|---------------------------|--|---|
| B | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải xây dựng chính sách | | | |
| I | Xây dựng chính sách | | Tối đa 100% tổng định mức quy định tại Mục A.1.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP | |
| 1 | Xây dựng chính sách ¹⁵ | Chính sách được thông qua | 85% | Đơn vị chủ trì xây dựng chính sách thực hiện thanh quyết toán ¹⁶ |
| 2 | Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho công tác xây dựng chính sách | | 15% | |
| 2.1 | Phê duyệt, ký trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua chính sách | | 4% | |
| a) | Bộ trưởng | Phiếu trình được ký duyệt | 2% | Vụ Pháp chế thực hiện việc thanh quyết toán |
| b) | Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp xây dựng văn bản | | 2% | |
| 2.2 | Rà soát hồ sơ và có ý kiến đối với hồ sơ xây dựng chính sách | Ý kiến góp ý | 6.4% | |

¹⁵ Kinh phí này đã bao gồm kinh phí chi trả cho hoạt động lấy ý kiến Thành viên Chính phủ theo quy định tại footnote số 3 và Mục C.I.1.11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

¹⁶ Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động do người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định trên cơ sở tham chiếu khung định mức khoán chi và nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm tại Mục C.I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

| | | | | |
|-----|---|---|--|---|
| 3 | Lấy ý kiến của cơ quan Đảng | | 3.75% | |
| 3.1 | Rà soát hồ sơ, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ hồ sơ dự thảo hồ sơ xây dựng chính sách (Văn phòng Đảng ủy) | Biên bản, nghị quyết hoặc kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ | 0.75% | Văn phòng Đảng ủy Bộ thực hiện việc thanh quyết toán |
| 3.2 | Các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phê duyệt dự thảo hồ sơ chính sách | Phiếu lấy ý kiến | 3%/ tổng số các thành viên | |
| 4 | Chi cho công tác tổng hợp dự toán, giao dự toán kinh phí xây dựng thông tư, tổng hợp quyết toán | | 0.75% | Vụ Kế hoạch-Tài chính thực hiện việc thanh quyết toán |
| 5 | Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng chính sách ¹⁷ ; rà soát trình Lãnh đạo Bộ trước khi ký trình cấp có thẩm quyền. | | 0.1% | Văn phòng Bộ thực hiện việc thanh quyết toán |
| II | Soạn thảo, ban hành và các hoạt động hỗ trợ công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành | Tối đa 100% tổng định mức quy định tại Mục A.2.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP | Định mức chi các nhiệm vụ, hoạt động cho công tác này áp dụng tỷ lệ theo định mức chi tại mục A Phụ lục này |

¹⁷ Rà soát, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do các Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ được giao chủ trì xây dựng.